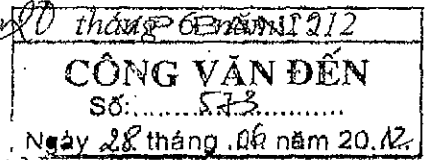


NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CƠ QUAN THANH TRA, GIÁM SÁT
NGÂN HÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 15210 / TTGSNH6
V/v Đăng ký Điều lệ của VPBank

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2012



Kính gửi: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng

Về đề nghị đăng ký bản Điều lệ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) tại văn bản số 45/2012/CV-VPBank ngày 22/5/2012 và hồ sơ kèm theo, Ngân hàng Nhà nước có ý kiến như sau:

1. Ngân hàng Nhà nước xác nhận việc đăng ký đối với bản Điều lệ đính kèm văn bản số 45/2012/CV-VPBank ngày 22/5/2012, được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ-VPBank ngày 24/4/2012.

2. VPBank hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của bản Điều lệ nêu tại Điểm 1 Công văn này, đảm bảo phù hợp với các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

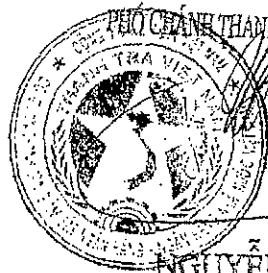
3. Trường hợp Điều lệ có các nội dung trái với quy định của pháp luật, các điều, khoản đó đương nhiên vô hiệu và VPBank có trách nhiệm kịp thời sửa đổi, bổ sung các điều, khoản này đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VPBank phải được đăng ký tại Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền của VPBank thông qua.

Ngân hàng Nhà nước thông báo để VPBank biết và thực hiện. *Alansh*

Nơi nhận: *Uti*

- Như trên;
- NHNN Chi nhánh TP.HN;
- Lưu: VT, TTGSNH6 (3).

Uti CHÁNH THANH TRA, GIÁM SÁT NGÂN HÀNG



NGUYỄN ĐĂNG HỒNG

Sao gửi? + HĐQT, BKS
+ B27 TGD.

26/6

[Signature]



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**

Tháng 04 năm 2012

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	4
Điều 1. Giải thích từ ngữ.....	4
Điều 2. Tên, hình thức, con dấu, trụ sở chính, mạng lưới và thời hạn hoạt động.....	6
Điều 3. Mục tiêu, lĩnh vực và phạm vi hoạt động.....	6
Điều 4. Các hoạt động chính.....	7
Điều 5. Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của VPBank.....	9
Điều 6. Hoạt động Ngân hàng điện tử.....	10
Điều 7. Kinh doanh Bất động sản.....	10
CHƯƠNG I. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU.....	10
MỤC I: VỐN ĐIỀU LỆ.....	10
Điều 8. Vốn điều lệ.....	10
Điều 9. Thay đổi vốn điều lệ.....	10
MỤC II: CỔ ĐÔNG.....	11
Điều 10. Cổ đông.....	11
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	11
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.....	12
Điều 13. Sổ đăng ký cổ đông và xác lập danh sách cổ đông.....	12
MỤC III: CỔ PHẦN.....	13
Điều 14. Cổ phần.....	13
Điều 15. Giới hạn sở hữu cổ phần.....	14
Điều 16. Chào bán cổ phần.....	14
Điều 17. Thu hồi cổ phần.....	15
Điều 18. Chuyển nhượng cổ phần.....	16
Điều 19. Mua lại cổ phần.....	17
Điều 20. Thừa kế cổ phần.....	18
MỤC IV: CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU.....	19
Điều 21. Cổ phiếu.....	19
Điều 22. Phát hành trái phiếu.....	20
CHƯƠNG II. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VPBANK.....	20
MỤC I: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG.....	20
Điều 23. Bộ máy quản lý và người đại diện theo pháp luật.....	21
Điều 24. Hệ thống kiểm soát nội bộ.....	21
Điều 25. Kiểm toán nội bộ.....	21
Điều 26. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ.....	22
Điều 27. Những trường hợp không được cùng đảm nhiệm chức vụ.....	23

Điều 28.	Đương nhiên mất tư cách	24
Điều 29.	Bãi nhiệm, miễn nhiệm.....	24
Điều 30.	Đình chỉ, tạm đình chỉ	25
Điều 31.	Việc bầu, bổ nhiệm.....	26
Điều 32.	Công khai các lợi ích có liên quan.....	26
Điều 33.	Quyền và nghĩa vụ chung của người quản lý, người điều hành của VPBank	26
Điều 34.	Giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận	27
Điều 35.	Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.....	28
MỤC II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		28
Điều 36.	Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 37.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 38.	Họp Đại hội đồng cổ đông.....	30
Điều 39.	Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	31
Điều 40.	Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	32
Điều 41.	Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	33
Điều 42.	Mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	33
Điều 43.	Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	34
Điều 44.	Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	34
Điều 45.	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	36
Điều 46.	Thẩm quyền và thê thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	37
Điều 47.	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	38
Điều 48.	Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	39
MỤC III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....		40
Điều 49.	Thành phần, cơ cấu và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị	40
Điều 50.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	41
Điều 51.	Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị	42
Điều 52.	Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị	44
Điều 53.	Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị.....	45
Điều 54.	Thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.....	45
Điều 55.	Thê thức họp Hội đồng quản trị.....	46
Điều 56.	Thê thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.....	48
MỤC IV: BAN KIỂM SOÁT		49
Điều 57.	Ban kiểm soát	50
Điều 58.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát.....	50
Điều 59.	Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát	52
Điều 60.	Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát.....	52
Điều 61.	Thông qua quyết định của Ban kiểm soát	53
Điều 62.	Cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản của thành viên Ban kiểm soát.....	53
MỤC V: TỔNG GIÁM ĐỐC		55

Điều 63. Tổng Giám đốc	55
Điều 64. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	56
Điều 65. Giúp việc cho Tổng Giám đốc.....	57
MỤC VI: NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN.....	57
Điều 66. Người lao động và công đoàn.....	57
CHƯƠNG III. CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, THÔNG TIN-BÁO CÁO.....	58
MỤC I: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG.....	58
Điều 67. Chế độ tài chính, năm tài chính	58
Điều 68. Hệ thống kế toán.....	58
Điều 69. Báo cáo tài chính	58
Điều 70. Kiểm toán độc lập.....	59
Điều 71. Sử dụng vốn.....	59
MỤC II: TRÍCH LẬP CÁC QUỸ VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	60
Điều 72. Trích lập các quỹ	60
Điều 73. Chia cổ tức.....	60
MỤC III: CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO	61
Điều 74. Thông tin và bảo mật thông tin.....	61
Điều 75. Báo cáo và công bố thông tin ra công chúng.....	61
Điều 76. Chế độ lưu giữ tài liệu	62
CHƯƠNG IV.	
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN.....	62
Điều 77. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	62
Điều 78. Tổ chức lại	63
Điều 79. Giải thể	63
Điều 80. Kiểm soát đặc biệt và phá sản	63
CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	64
Điều 81. Hiệu lực của Điều lệ	64
Điều 82. Điều khoản cuối cùng.....	64

CHƯƠNG I:**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Giải thích từ ngữ**

1. Trong Điều lệ này, trừ trường hợp ngữ cảnh cụ thể có quy định khác, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
- a) “*Pháp luật*”: là các Bộ luật, Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quyết định, Thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác quy định tại Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật.
 - b) “*Luật các tổ chức tín dụng*”: là Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Việt Nam thông qua ngày 16/06/2010 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2011.
 - c) “*Luật Doanh nghiệp*”: là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005.
 - d) “*Luật Chứng khoán*”: là Luật Chứng khoán được Quốc hội nước Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc Hội nước Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010.
 - e) “*Nghị định 59*”: là Nghị định số 59/2009/NĐ-CP về Tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại do Chính phủ ban hành ngày 16/07/2009.
 - f) “*Ngân hàng Nhà nước*”: là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - g) “*VPBank*”: là Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.
 - h) “*Ngày thành lập*”: có nghĩa là ngày mà VPBank được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
 - i) “*Vốn pháp định*”: là vốn tối thiểu theo quy định của luật pháp để thành lập và hoạt động ngân hàng.
 - j) “*Vốn điều lệ*”: là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi tại Điều 8 của Điều lệ này.
 - k) “*Cổ đông lớn*”: là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VPBank.
 - l) “*Cổ phiếu*”: là chứng chỉ do VPBank phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của VPBank.
 - m) “*Công ty con của VPBank*”: ¹ là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có và thuộc một trong các trường hợp sau:
 - VPBank hoặc VPBank và Người có liên quan sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên

¹ Khoản 30 Điều 4 Luật các TCTD.

- 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết;
- VPBank có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của Công ty đó;
 - VPBank có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty đó;
 - VPBank và Người có liên quan của VPBank trực tiếp hay gián tiếp thông qua nghị quyết hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của Công ty đó.
- n) “*Người điều hành VPBank*”: bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương của VPBank.²
- o) “*Người quản lý VPBank*”: bao gồm Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng VPBank.³
- p) “*Người có liên quan*”: là tổ chức, cá nhân có quan hệ với một tổ chức, cá nhân khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau:⁴
- Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với Công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty có cùng công ty mẹ với nhau; các Công ty con của cùng tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;
 - Công ty hoặc tổ chức tín dụng đối với người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với Công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;
 - Công ty hoặc tổ chức tín dụng đối với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
 - Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này;
 - Công ty hoặc tổ chức tín dụng đối với người có quan hệ thân thuộc (theo khái niệm nêu trên) của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
 - Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người quy định tại các gạch đầu dòng trên đây đối với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn

² Khoản 32 Điều 4 Luật các TCTD .

³ Khoản 31 Điều 4 Luật các TCTD.

⁴ Khoản 28 Điều 4 Luật các TCTD.